

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM
KHÍ QUỐC TẾ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2011)
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ôn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Số: 886 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế và công ty con (gọi chung là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 2 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

12-
NH
TY
HƯ
TTE
VAN
TĐ
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.130.600.488		232.260.272.300	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	167.693.070.388		75.118.405.772	
1. Tiền	111		21.693.070.388		20.118.405.772	
2. Các khoản tương đương tiền	112		146.000.000.000		55.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.000.000.000		85.000.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000		85.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.938.759.173		50.541.331.601	
1. Phải thu khách hàng	131		150.241.197.084		47.447.452.938	
2. Trả trước cho người bán	132		636.238.517		1.238.144.880	
3. Các khoản phải thu khác	135	7	3.061.323.572		1.855.733.783	
IV. Hàng tồn kho	140	8	19.280.761.075		19.552.408.721	
1. Hàng tồn kho	141		19.280.761.075		19.552.408.721	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.218.009.852		2.048.126.206	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.138.858.660		1.754.374.206	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.783.192		-	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		72.368.000		293.752.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.546.066.775		306.879.698.144	
I. Tài sản cố định	220		241.873.053.213		282.293.695.411	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	241.740.295.857		282.129.805.088	
- Nguyên giá	222		362.184.912.203		361.852.761.022	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.444.616.346)		(79.722.955.934)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	132.757.356		93.890.323	
- Nguyên giá	228		262.420.550		136.080.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.663.194)		(42.189.677)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-		70.000.000	
II. Lợi thế thương mại	260		2.839.592.002		3.549.490.003	
III. Tài sản dài hạn khác	270		31.833.421.560		21.036.512.730	
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	11	30.523.129.004		20.133.016.105	
2. Tài sản dài hạn khác	278		1.310.292.556		903.496.625	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		623.676.667.263		539.139.970.444	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		236.655.963.454		167.775.615.777	
I. Nợ ngắn hạn	310		161.973.296.387		72.349.982.438	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	70.779.600.000		31.543.314.286	
2. Phải trả người bán	312		76.094.777.711		24.800.711.326	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.704.224.884		7.714.890.814	
4. Phải trả người lao động	315		5.240.263.237		4.838.332.675	
5. Chi phí phải trả	316		815.246.656		221.410.000	
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		339.183.899		2.250.421.914	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-		980.901.423	
II. Nợ dài hạn	330		74.682.667.067		95.425.633.339	
1. Vay dài hạn	334	14	74.570.800.000		95.309.885.714	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.867.067		115.747.625	
B. NGUỒN VỐN	400		349.455.465.271		341.102.512.719	
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	349.455.465.271		341.102.512.719	
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567		8.809.491.423	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.586.961.285		4.404.745.712	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.694.581.419		27.888.275.584	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	16	37.565.238.538		30.261.841.948	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		623.676.667.263		539.139.970.444	



Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	690.725.857.904	378.996.650.886
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		690.725.857.904	378.996.650.886
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	(605.189.706.413)	(320.237.665.618)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.536.151.491	58.758.985.268
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	20.290.690.311	11.375.276.987
6. Chi phí tài chính	22	21	(20.793.897.689)	(6.646.384.091)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(11.967.172.211)</i>	<i>(4.765.589.097)</i>
7. Chi phí bán hàng	24		-	(1.165.532.582)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.700.963.502)	(15.313.130.456)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.331.980.611	47.009.215.126
10. Thu nhập khác	31		8.157.467.639	4.198.023.684
11. Chi phí khác	32		(285.240.759)	(709.792.580)
12. Lợi nhuận khác	40	22	7.872.226.880	3.488.231.104
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.204.207.491	50.497.446.230
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(16.827.738.655)	(12.923.112.229)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		48.376.468.836	37.574.334.001
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			7.303.396.590	597.136.265
- Cổ đông của Công ty mẹ			41.073.072.246	36.977.197.736
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.369	1.726



Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 03-DN**
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.204.207.491	50.497.446.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	40.809.133.929	43.103.435.342
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.914.493.923	1.846.235.744
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.546.110.812)	(8.527.809.148)
Chi phí lãi vay	06	11.967.172.211	4.765.589.097
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.348.896.742	91.684.897.265
Tăng các khoản phải thu	09	(101.406.472.320)	(34.266.332.384)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	271.647.646	(13.730.901.131)
Tăng các khoản phải trả	11	50.233.563.731	52.779.442.797
Tăng chi phí trả trước	12	(9.064.699.352)	(17.986.941.287)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.754.672.211)	(4.765.589.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.074.423.286)	(18.869.339.537)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.668.026.614)	(5.528.608.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.885.814.336	49.316.628.001
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(388.491.731)	(224.315.551.783)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	-	(85.000.000.000)
3. Tiền thu từ đầu tư ngắn hạn	24	80.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	20.329.965.934	8.527.809.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	99.941.474.203	(300.787.742.635)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	115.949.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn/dài hạn nhận được	33	78.912.000.050	158.670.057.143
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(68.330.914.336)	(33.582.257.143)
4. Cổ tức đã trả	36	(32.835.330.000)	(25.792.419.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.254.244.286)	215.244.380.731
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	92.573.044.253	(36.253.609.647)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	75.118.405.772	111.974.112.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.620.363	(602.097.046)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	167.693.070.388	75.118.405.772

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thanh toán 32.835.330.000 đồng trong tổng số 33.000.000.000 đồng cổ tức. Theo đó, một phần cổ tức với số tiền là 164.670.000 đồng (năm 2010: không đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc
Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty mẹ:

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 149 người (31 tháng 12 năm 2010: 137 người).

Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 6 tháng 1 năm 2012, địa chỉ trụ sở chính của Công ty con được đặt tại Cao ốc Everrich, số 968 đường Ba Tháng Hai, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty con là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ dầu mỏ hóa lỏng LPG tại thành phố Hồ Chí Minh); bán buôn hóa chất và bán buôn chuyên doanh khác.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 44 người (năm 2010: 67 người), số thuyền viên thuê ngoài là 33 người (năm 2010: không người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là năm năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	Năm:	Năm:
Máy móc thiết bị	2 - 5	2 - 3
Phương tiện vận tải	5 - 12	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản của tàu Apollo Pacific và tàu Aquamarine từ 5 năm lên 7.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn hơn một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12-C
NH
Y
QUY
TẾ
AM
Ộ
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	245.281.810	437.799.856
Tiền gửi ngân hàng	21.447.788.578	19.680.605.916
Các khoản tương đương tiền	146.000.000.000	55.000.000.000
	<u>167.693.070.388</u>	<u>75.118.405.772</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng là 6% và 14% (2010: từ 11% đến 12%).

Theo hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 99/11/VAB-SG/CCHDTG ngày 21 tháng 11 năm 2011, Công ty mẹ đã thế chấp hai khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á với số tiền là 50 tỷ đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (Công ty con) từ ngày hợp đồng đến ngày Bên vay và Bên cầm cố hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ với Ngân hàng Việt Á.

6. ĐÀU TƯ NGẮN HẠN

Khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn bốn tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là 14%.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền chi phúc lợi cho nhân viên	2.059.830.683	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	669.277.778	1.453.132.900
Phải thu khác	332.215.111	402.600.883
	<u>3.061.323.572</u>	<u>1.855.733.783</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	19.018.853.197	19.497.213.036
Công cụ dụng cụ	57.095.367	55.195.685
Hàng hóa	204.812.511	-
	<u>19.280.761.075</u>	<u>19.552.408.721</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	995.590.874	629.442.821	360.227.727.327	361.852.761.022
Tăng trong năm	160.324.545	131.326.636	40.500.000	332.151.181
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.155.915.419</u>	<u>760.769.457</u>	<u>360.268.227.327</u>	<u>362.184.912.203</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	279.055.062	319.539.310	79.124.361.562	79.722.955.934
Khấu hao trong năm	365.074.512	169.364.808	40.187.221.092	40.721.660.412
Tại ngày 31/12/2011	<u>644.129.574</u>	<u>488.904.118</u>	<u>119.311.582.654</u>	<u>120.444.616.346</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>511.785.845</u>	<u>271.865.339</u>	<u>240.956.644.673</u>	<u>241.740.295.857</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>716.535.812</u>	<u>309.903.511</u>	<u>281.103.365.765</u>	<u>282.129.805.088</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas và tàu Apollo Pacific với nguyên giá là 202.430.614.271 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (31/12/2010: 227.856.081.604 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 326.906.404 đồng (năm 2010: không đồng).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản của tàu Apollo Pacific và tàu Aquamarine từ 5 năm lên 7 năm như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm sẽ tăng với số tiền là 5.340.863.998 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VNĐ	Giấy chứng nhận ISO VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	136.080.000	-	136.080.000
Tăng trong năm	-	126.340.550	126.340.550
Tại ngày 31/12/2011	<u>136.080.000</u>	<u>126.340.550</u>	<u>262.420.550</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	42.189.677	-	42.189.677
Khấu hao trong năm	45.360.000	42.113.517	87.473.517
Tại ngày 31/12/2011	<u>87.549.677</u>	<u>42.113.517</u>	<u>129.663.194</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>48.530.323</u>	<u>84.227.033</u>	<u>132.757.356</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>93.890.323</u>	<u>-</u>	<u>93.890.323</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	719.750.234	100.000.000
Chi phí sửa chữa và lên đà tàu định kỳ	29.086.494.168	19.763.924.548
Chi phí khác	716.884.602	269.091.557
	<u>30.523.129.004</u>	<u>20.133.016.105</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Sài Gòn	45.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	25.779.600.000	31.543.314.286
	<u>70.779.600.000</u>	<u>31.543.314.286</u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Sài Gòn với tổng hạn mức là 45.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất hàng năm là 17%, trong đó 22.000.000.000 đồng đã được thanh toán vào ngày 21 tháng 2 năm 2012; 23.000.000.000 đồng sẽ đáo hạn vào ngày 4 tháng 3 năm 2012. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giá trị 50.000.000.000 đồng do Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc Tế là chủ sở hữu được Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Sài Gòn phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.246.828.126	938.834.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.183.544.692	5.430.229.323
Thuế thu nhập cá nhân	1.273.852.066	1.298.648.864
Các khoản khác	-	47.178.624
	<u>8.704.224.884</u>	<u>7.714.890.814</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay sau:

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển của Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có tổng hạn mức là 48.162.600.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4,5%. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 12 năm 2013.

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn với tổng hạn mức là 17.500.000.000 đồng, chịu lãi suất tiền vay hàng năm là 10,5% trong ba tháng đầu và bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng 2,6% cho các tháng tiếp theo. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và sẽ đáo hạn vào ngày 14 tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên, khoản vay này đã được thanh toán trước hạn vào ngày 3 tháng 3 năm 2011 và tài sản hình thành từ vốn vay theo đó cũng đã được giải chấp.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	25.779.600.000	31.002.400.000
Trong năm thứ hai	23.542.200.000	24.452.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.738.800.000	51.519.800.000
Sau năm năm	<u>7.289.800.000</u>	<u>19.878.600.000</u>
	100.350.400.000	126.853.200.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(25.779.600.000)</u>	<u>(31.543.314.286)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>74.570.800.000</u>	<u>95.309.885.714</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	218.324.000.000	72,8
Tổng Công Ty Khí Việt Nam – Công Ty Cổ Phần	-	-	51.600.000.000	17,2
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	30.076.000.000	10,0
	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	184.051.000.000	602.097.046	5.173.922.567	2.586.961.285	26.092.419.256	218.506.400.154
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.977.197.736	36.977.197.736
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
Số dư tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	-	8.809.491.423	4.404.745.712	27.888.275.584	341.102.512.719
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	41.073.072.246	41.073.072.246
Hoàn nhập quỹ	-	-	(3.635.568.856)	(1.817.784.427)	6.033.233.589	579.880.306
Quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	300.000.000.000	-	5.173.922.567	2.586.961.285	41.694.581.419	349.455.465.271

Theo Nghị quyết ngày 25 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 với số tiền là 33.000.000.000 đồng (2009: 25.792.419.269 đồng). Cũng theo nghị quyết này, Công ty không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và chỉ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền là 3.055.688.563 đồng. Vì vậy, trong năm 2011, Công ty đã hoàn nhập số tiền từ việc trích lập quỹ trong năm 2010.

16. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

	VNĐ
Tại ngày 31/12/2011	
Vốn góp của công ty con	50.000.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	25.500.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	24.500.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49%

Lợi ích của cổ đông thiểu số đối với giá trị tài sản thuần:

	VNĐ
Tại ngày 31/12/2011	
Vốn của cổ đông thiểu số	24.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	13.065.238.538
	37.565.238.538

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	VNĐ
Lợi nhuận trong năm	14.904.891.000
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	7.303.396.590

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng	274.597.172.648	2.887.818.576
Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.128.685.256	376.108.832.310
	<u>690.725.857.904</u>	<u>378.996.650.886</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	273.627.977.672	2.887.818.576
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	331.561.728.741	317.349.847.042
	<u>605.189.706.413</u>	<u>320.237.665.618</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	399.124.328.860	50.231.807.216
Chi phí nhân công	48.295.025.401	36.866.833.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.795.015.832	25.431.584.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.698.426.727	206.055.421.187
Chi phí khác	23.977.873.095	18.130.682.971
	<u>632.890.669.915</u>	<u>336.716.328.656</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	19.546.110.812	8.527.809.148
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	744.579.499	2.847.467.839
	<u>20.290.690.311</u>	<u>11.375.276.987</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	11.967.172.211	4.765.589.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.914.493.923	1.846.235.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	910.389.555	34.559.250
Chi phí tài chính khác	1.842.000	-
	<u>20.793.897.689</u>	<u>6.646.384.091</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thu tiền phạt	1.047.589.023	1.258.408.194
Hàng tồn kho dư do kiểm kê	4.708.096.832	2.883.310.980
Thu tiền bồi thường bảo hiểm	2.356.931.876	-
Thu khác	44.849.908	56.304.510
Thu nhập khác	8.157.467.639	4.198.023.684
Chi phí khác	(285.240.759)	(709.792.580)
Lợi nhuận khác	7.872.226.880	3.488.231.104

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	65.204.207.491	50.497.446.230
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.063.980.451	1.195.002.685
Cộng: Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	35.018.344	-
Thu nhập chịu thuế	66.303.206.286	51.692.448.915
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.575.801.572	12.923.112.229
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	251.937.083	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.827.738.655	12.923.112.229

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trong năm	41.073.072.246	36.977.197.736
Điều chỉnh: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.935.568.856)
Lợi nhuận dùng để chia cho cổ đông	41.073.072.246	33.041.628.880
Số cổ phần bình quân gia quyền	30.000.000	19.140.032
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.369	1.726

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.404.657.101	1.492.389.355

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	4.415.973.815	3.771.263.770
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.266.201.507	7.191.554.957
Sau năm năm	2.821.226.748	-
	<u>12.503.402.070</u>	<u>10.962.818.727</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng với thời hạn tối đa đến năm 2021.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.693.070.388	75.118.405.772
Đầu tư ngắn hạn khác	5.000.000.000	85.000.000.000
Phải thu khách hàng	150.241.197.084	47.447.452.938
Phải thu khác	3.061.323.572	1.855.733.783
Khoản ký quỹ dài hạn	1.310.292.556	903.496.625
Tổng cộng	<u>327.305.883.600</u>	<u>210.325.089.118</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	145.350.400.000	126.853.200.000
Phải trả người bán	76.094.777.711	24.800.711.326
Chi phí phải trả	815.246.656	221.410.000
Phải trả khác	339.183.899	2.250.421.914
Tổng cộng	<u>222.599.608.266</u>	<u>154.125.743.240</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	81.732.233.149	86.597.848.314	705.228.421	3.499.563.317

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và việc thanh toán của những khách hàng này rất tốt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Các khoản vay	70.779.600.000	74.570.800.000	145.350.400.000
Phải trả người bán	76.094.777.711	-	76.094.777.711
Chi phí phải trả	815.246.656	-	815.246.656
Phải trả khác	339.183.899	-	339.183.899
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Các khoản vay	31.543.314.286	95.309.885.714	126.853.200.000
Phải trả người bán	24.800.711.326	-	24.800.711.326
Chi phí phải trả	221.410.000	-	221.410.000
Phải trả khác	2.250.421.914	-	2.250.421.914

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.693.070.388	-	167.693.070.388
Đầu tư ngắn hạn khác	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	150.241.197.084	-	150.241.197.084
Phải thu khác	3.061.323.572	-	3.061.323.572
Khoản ký quỹ dài hạn	-	1.310.292.556	1.310.292.556
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.118.405.772	-	75.118.405.772
Đầu tư ngắn hạn khác	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Phải thu khách hàng	47.447.452.938	-	47.447.452.938
Phải thu khác	1.855.733.783	-	1.855.733.783
Khoản ký quỹ dài hạn	-	903.496.625	903.496.625

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Cho thuê tàu		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.851.085.906	104.383.008.615
Cty TNHH MTV TMDV Dầu khí Miền Trung	19.893.057.441	45.845.324.203
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	121.988.986.029	123.662.832.233
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	230.682.314.946	135.571.168.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu từ bán nhiên liệuChi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí

23.874.789.329

-

Mua dịch vụ đại lý tàu

Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu

476.121.772

1.015.122.818

Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội

1.273.286.680

443.526.058

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

3.159.791.730

3.253.242.353

Thuê xe và mua nhiên liệu

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

10.077.000

4.655.463.636

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long

17.482.273

33.014.545

Góp vốn trong năm

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

-

104.324.000.000

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công Ty Cổ Phần

-

11.600.000.000

Công bố cổ tức

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

22.352.990.000

9.809.614.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương	2.426.855.103	2.515.976.752
Tiền thưởng	223.400.000	1.044.831.164
	2.650.255.103	3.560.807.916

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải thu		
Cty TNHH MTV TMDV Dầu khí Miền Trung	6.537.164.241	3.786.733.699
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	20.848.888.054	24.456.175.634
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	6.216.751.163	39.833.905.769

Các khoản phải trả

Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu

49.907.050

24.621.620

Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội

116.956.403

146.765.535

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

393.594.299

319.367.794



Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 29 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng